

Số: **3016**/BC-UBND

Điện Biên, ngày **05** tháng **7** năm 2024

BÁO CÁO

Điều chỉnh, bổ sung tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu điều hành dự toán ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2024

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ Mười lăm, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021-2026, UBND tỉnh đã có Báo cáo số 2844/BC-UBND ngày 25/6/2024 báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu điều hành dự toán ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2024. Sau khi báo cáo và tiếp thu ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh báo cáo điều chỉnh, bổ sung cụ thể như sau:

1. Tại trang 3, công tác quản lý nợ và thu hồi nợ thuế: Ước nợ thuế đến 30/6/2024 là: 58 tỷ đồng, trong đó: tiền sử dụng đất là: **3,033 tỷ đồng**; nợ khó thu là: **76 triệu đồng**; nợ thuế, phí là: **54,891 tỷ đồng**.

2. Tại trang 5, về tình hình thực hiện chi ngân sách

- Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024 được HĐND tỉnh giao là: 14 nghìn 257 tỷ 578 triệu đồng, **ước thực hiện 5 nghìn 803 tỷ 878 triệu đồng, đạt 40,71% dự toán**. Chi ngân sách nhà nước đã cơ bản đáp ứng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo và đặc biệt thực hiện thành công các hoạt động kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Chi đầu tư phát triển, mục b): **Ước thực hiện 6 tháng đầu năm:** Chi đầu tư phát triển **1 nghìn 432 tỷ 938 triệu đồng**, bao gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản; đầu tư từ nguồn sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện; chi từ nguồn xổ số; chi từ nguồn bội chi; đạt 33,18% dự toán giao, đạt 33,82% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao, trong đó:

+ Chi đầu tư từ cân đối NSDP¹: Ước thực hiện 484 tỷ 606 triệu đồng, đạt 31,03% dự toán, trong đó kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao thực hiện đạt 33,55%.

+ Chi bổ sung có mục tiêu vốn NSTW (bao gồm cả vốn nước ngoài): Ước thực hiện 455 tỷ 114 triệu đồng, thực hiện đạt 31,91% dự toán, kế hoạch vốn giao.

+ Chi Chương trình mục tiêu Quốc gia: Ước thực hiện 493 tỷ 218 triệu đồng, thực hiện đạt 37,08% dự toán, kế hoạch vốn giao.

3. Tại trang 6, mục c) về Kế hoạch vốn kéo dài

Tổng kế hoạch vốn kéo dài từ năm trước chuyển sang **834 tỷ 438 triệu đồng**, trong đó, vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu theo ngành lĩnh

¹ Bao gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản; đầu tư từ nguồn sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện; chi từ nguồn xổ số; chi từ nguồn bội chi.

vực là: 542 tỷ 129 triệu đồng, vốn thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia 290 tỷ 353 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương là 1 tỷ 956 triệu đồng.

4. Ngoài các nội dung báo cáo điều chỉnh, bổ sung nêu trên, các nội dung khác giữ nguyên theo Báo cáo số 2844/BC-UBND ngày 25/6/2024 của UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo điều chỉnh, bổ sung tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu điều hành dự toán ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2024, UBND tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TH, KT ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 3016/BC-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh)



A. BIỂU THU NGÂN SÁCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO	ĐÁNH GIÁ 6 THÁNG	SỐ SÁNH Ư/TH/DT
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.924.600	631.600	32,82%
I	Thu nội địa	1.909.600	562.200	29,44%
	<i>Trong đó: Thu nội địa không kể tiền sử dụng đất</i>	<i>1.070.000</i>	<i>520.100</i>	<i>48,61%</i>
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	249.000	75.300	30,24%
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	7.200	4.620	64,17%
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	800	850	106,25%
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	384.700	183.755	47,77%
5	Thuế thu nhập cá nhân	60.000	38.840	64,73%
6	Thuế bảo vệ môi trường	100.000	58.670	58,67%
	Thu từ hàng hóa nhập khẩu	40.000	23.468	58,67%
	Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	60.000	35.202	58,67%
7	Lệ phí trước bạ	70.000	42.430	60,61%
8	Phí, lệ phí	35.000	29.645	84,70%
	Bao gồm: - Phí, lệ phí trung ương	6.000	4.002	66,70%
	- Phí, lệ phí địa phương	29.000	25.643	88,42%
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	1.300	43,33%
10	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	48.000	12.190	25,40%
11	Tiền sử dụng đất	839.600	42.100	5,01%
	<i>Trong đó: Cấp tỉnh thực hiện</i>	<i>765.600</i>		<i>0,00%</i>
	<i>Các huyện, thị xã, thành phố thực hiện</i>	<i>74.000</i>	<i>42.100</i>	<i>56,89%</i>
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	32.000	19.480	60,88%
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	17.000	9.620	56,59%
	- Trung ương cấp phép	12.000	5.900	49,17%
	<i>Trong đó: + Trung ương hưởng (70%)</i>	<i>8.400</i>	<i>4.130</i>	<i>49,17%</i>
	<i>+ Địa phương hưởng (30%)</i>	<i>3.600</i>	<i>1.770</i>	<i>49,17%</i>
	- Địa phương cấp phép	5.000	3.720	74,40%
14	Thu khác ngân sách	60.000	42.480	70,80%
	- Thu khác ngân sách trung ương	30.000	20.480	68,27%
	- Thu khác ngân sách địa phương	30.000	22.000	73,33%
15	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích, ... tại xã	3.000	580	19,33%
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế NSDP hưởng 100%	300	320	106,67%
17	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		20	
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	15.000	13.500	90,00%
III	Ủng hộ đóng góp, viện trợ		55.900	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.192.178	7.922.000	55,82%
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	1.825.200	509.800	27,93%
2	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	12.366.978	7.032.901	56,87%
	- Bổ sung cân đối, bổ sung cải cách tiền lương	8.467.666	4.516.066	53,33%
	- Bổ sung có mục tiêu	3.899.312	2.516.835	64,55%
3	Năm trước chuyển sang		379.299	

B. BIỂU CHI NGÂN SÁCH

4

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SỐ SÁNH Ư/TH/DT
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.257.578	5.803.878	40,71%
A.1	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.633.059	4.671.938	43,94%
I	Chi đầu tư phát triển	1.561.812	484.606	31,03%
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.561.812	484.606	31,03%
1.1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	708.772	343.959	48,53%
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	755.640	88.260	11,68%
1.3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	32.000	13.121	41,00%
1.4	Chi từ nguồn bội chi	65.400	8.236	12,59%
1.5	Chi đầu tư từ nguồn ủng hộ đóng góp		31.030	
II	Chi thường xuyên	8.800.171	4.184.264	47,55%
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.417.013	2.141.229	48,48%
2	Chi khoa học và công nghệ	15.333	8.115	52,92%
3	Chi quốc phòng		168.335	
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		34.079	
5	Chi y tế, dân số và gia đình		508.501	
6	Chi văn hóa thông tin		74.780	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		19.729	
8	Chi thể dục thể thao		8.884	
9	Chi bảo vệ môi trường		34.594	
10	Chi các hoạt động kinh tế		224.310	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		772.296	
12	Chi bảo đảm xã hội		162.983	
13	Chi thường xuyên khác		26.431	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	7.700	3.068	39,84%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		0,00%
V	Dự phòng ngân sách	211.615		0,00%
VI	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	50.761		0,00%
A.2	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	3.624.519	1.131.940	31,23%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	2.106.644	626.992	29,76%
	- Vốn đầu tư	1.330.321	493.218	37,08%
	- Vốn sự nghiệp	776.323	133.774	17,23%
1	Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.196.795	377.187	31,52%
	- Vốn đầu tư	729.900	315.852	43,27%
	- Vốn sự nghiệp	466.895	78.896	16,90%
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	716.833	188.490	26,29%
	- Vốn đầu tư	433.909	138.812	31,99%
	- Vốn sự nghiệp	282.924	49.678	17,56%
3	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	193.016	43.754	22,67%
	- Vốn đầu tư	166.512	38.554	23,15%
	- Vốn sự nghiệp	26.504	5.200	19,62%
II	Chi bổ sung có mục tiêu (vốn đầu tư phát triển)	1.426.320	455.114	31,91%
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài	100.000	30.000	30,00%
2	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	1.326.320	425.114	32,05%
III	Chi bổ sung có mục tiêu (kinh phí sự nghiệp)	91.555	49.834	54,43%
1	Chi sự nghiệp từ nguồn vốn nước ngoài ⁽¹⁾	14.373	325	2,26%

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SỐ SÁNH ƯTH/DT
2	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	10.654	3.000	28,16%
3	Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT	3.454	1.200	34,74%
4	Bồi dưỡng cán bộ, công chức hội Liên hiệp phụ nữ các cấp và chi hội trưởng hội phụ nữ	330		0,00%
5	Hỗ trợ thực hiện một số Đề án, Dự án khoa học và công nghệ	590	200	33,90%
6	Vốn dự bị động viên	10.000	5.000	50,00%
7	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ	52.154	40.109	76,90%
B	BỘI CHI ⁽²⁾	65.400	8.236	12,59%
C	TỔNG SỐ VAY TRONG NĂM ⁽³⁾	75.000	12.857	17,14%
I	Vay để bù đắp bội chi	65.400	8.236	12,59%
II	Vay để trả nợ gốc	9.600	4.621	48,14%

BỘI THU VÀ VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024(Kèm theo Báo cáo số **3016**/BC-UBND ngày **05**/7/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng dư nợ đầu năm	126.663	
	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	126.663	
	- Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	39.826	
	- Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	11.976	
	- Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên	74.861	
II	Vay trong năm	12.857	
	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	12.857	
	- Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên	12.857	
II	Trả nợ gốc vay đến 30/6/2024	4.621	
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	4.621	
	- Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	4.073	
	- Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	548	
III	Dư nợ đến 30/6/2024	134.899	
	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	134.899	
	- Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	35.753	
	- Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	11.428	
	- Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên	87.718	
VI	Trả nợ lãi, phí đến 30/6/2024	3.068	
	- Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	443	
	- Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	135	
	- Dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Điện Biên	2.490	